

TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TOÀN CẦU ĐỐI VỚI HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI EU

PGS.TS. Đinh Công Tuấn

Viện Nghiên cứu Châu Âu

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động toàn diện đến hệ thống an sinh xã hội EU. Sau một thời gian chỉ tiêu hào phóng cho các mục tiêu an sinh xã hội, các nước EU đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng kép: Một là, khủng hoảng từ cấu trúc vốn có hệ thống an sinh xã hội do không đáp ứng tốt các nhu cầu về nhân khẩu học và việc làm; Hai là, khủng hoảng phát sinh từ vấn đề nợ công và suy thoái kinh tế mang lại. Cuộc khủng hoảng nợ công đang đòi hỏi nhiều quốc gia châu Âu phải cắt giảm các chương trình an sinh xã hội để hạn chế chi tiêu, và điều này dấy lên một câu hỏi: Mô hình an sinh xã hội EU liệu có sụp đổ hoặc sẽ đi theo hướng nào trong thời kỳ hậu khủng hoảng?

1. Tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu đối với các vấn đề kinh tế - xã hội EU

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008-2012 được so sánh với cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 bởi tính

chất nghiêm trọng của nó. Xuất phát điểm của cuộc khủng hoảng lần này là việc tập đoàn Lehman Brothers của Mỹ tuyên bố phá sản vào ngày 15/9/2008, kéo theo sự phá sản của một loạt các tập đoàn kinh tế lớn và có tới 90 ngân hàng Mỹ xin bảo hộ, làm ảnh hưởng tới hơn 1.000 ngân hàng lớn của các nước trên thế giới, nhất là các ngân hàng Mỹ và châu Âu. Nợ công lan rộng ở các nước châu Âu, Mỹ và nhiều nước khác khiến Khu vực đồng Euro lâm vào suy thoái kinh tế nghiêm trọng. Khủng hoảng kinh tế lan rộng ra toàn thế giới, kéo dài hơn 4 năm qua, khiến thương mại quốc tế sụt giảm nghiêm trọng chưa từng có, thất nghiệp gia tăng, giá cả hàng hóa tăng vọt, đồng thời thế giới lâm vào nguy cơ khủng hoảng năng lượng, khủng hoảng lương thực và những thách thức an ninh phi truyền thống khác. Các chuyên gia kinh tế hàng đầu thế giới dự đoán, kinh tế thế giới chưa có dấu hiệu phục hồi và suy thoái kinh tế thế giới có thể được ví như thời kỳ đại khủng hoảng của thập niên 1930. Paul

Krugman cho rằng, cuộc khủng hoảng này là cuộc đại suy thoái lần hai của kinh tế thế giới bởi quy mô và mức độ ảnh hưởng sâu rộng của nó.

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt nguồn từ Mỹ đã tác động nặng nề đến các nước châu Âu, khiến hàng loạt các nước này lâm vào tình trạng nợ công trầm trọng. Trong báo cáo về triển vọng toàn cầu năm 2011, Viện Tài chính Quốc tế (IIF) nhận định, Khu vực đồng Euro (Eurozone) đã rơi vào suy thoái, thâm hụt ngân sách ngày càng tăng và chất lượng tài sản ngân hàng ngày càng giảm. Theo Cơ quan Ngân hàng Châu Âu (EBA), mức thiếu hụt vốn của toàn hệ thống các ngân hàng châu Âu lên tới 114,7 tỉ Euro, tính đến cuối năm 2011. EBA cho biết, các ngân hàng Hy Lạp thiếu hụt vốn đầu tư khoảng 30 tỉ Euro, các ngân hàng Italy là 15,37 tỉ Euro, ngân hàng Tây Ban Nha là 26,17 tỉ Euro, ngân hàng Đức thiếu hụt 13,1 tỉ Euro, ngân hàng Bồ Đào Nha là 6,95 tỉ Euro và con số này đối với ngân hàng Pháp dừng lại ở 7,3 tỉ Euro. Sự chậm trễ từ phía các nhà lãnh đạo khiến thị trường tài chính thêm căng thẳng. Các quốc gia đang gặp khó khăn phải đi vay tín dụng với lãi suất cao hơn, điều này càng đẩy chi phí ngân hàng lên cao, đè nặng thêm lên ngân sách nhà nước. Tình hình càng trở nên nghiêm trọng khi cách biệt về chênh lệch lãi suất lớn dần giữa các nước thành viên Eurozone. Vào tháng 11/2011, các bộ trưởng tài chính Khu vực sử

dụng đồng tiền chung Euro (Eurozone) đã phải nhờ cậy đến sự trợ giúp của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhằm không để liên minh tiền tệ này tan rã sau khi 17 nước thành viên Eurozone không đạt được mục tiêu tăng vốn cho quỹ cứu trợ của khối lên 1.000 tỉ Euro. Bộ trưởng Tài chính 17 nước thuộc Khu vực Eurozone đã đồng ý giải ngân gói cứu trợ thứ 6 cho Hy Lạp và khoản cứu trợ mới cho Ireland. Các bộ trưởng đã đồng ý chi cứu trợ thêm 5,8 tỉ Euro (7,7 tỉ USD) cho Hy Lạp. Trong khi đó, Ireland dự kiến sẽ nhận được 8,5 tỉ Euro (11,3 tỉ USD) tiền cứu trợ. Trước việc Đức phản đối để Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) đảm nhiệm vai trò đối tác cho vay, khu vực Eurozone đã quay sang tìm kiếm sự trợ giúp của IMF như là cứu cánh cuối cùng. Một số bộ trưởng tài chính cũng gợi ý ECB cần đóng vai trò lớn hơn trong cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu bằng cách cung cấp các khoản vay cho IMF để sau đó định chế tài chính đa phương này cứu trợ các quốc gia Eurozone lâm vào khủng hoảng. Quỹ Bình ổn tài chính Châu Âu (EFSF) trị giá 440 tỉ Euro là công cụ mới của Eurozone trong các nỗ lực nâng cao khả năng ứng phó của Khối này trước cuộc khủng hoảng nợ hiện nay. Tuy nhiên, các bộ trưởng tài chính Eurozone mới đây đã không thể nâng nguồn tài chính của EFSF lên mức 1.000 tỉ Euro. Nguồn vốn từ EFSF đã góp phần cứu Ireland và Bồ Đào Nha, song không đủ sức để bảo vệ Italia và Tây Ban

Nhà một khi cuộc khủng hoảng nợ hiện nay đang diễn ra trầm trọng ở hai nước này.

Trước tình hình nguy cấp đó, vào cuối năm 2011, lãnh đạo các nước thuộc Liên minh Châu Âu hướng tới Brussels để nhóm họp. Thủ tướng Đức và Tổng thống Pháp đang cố gắng viết lại thỏa thuận của Khu vực Đồng tiền chung để đảm bảo nhóm nước có chính sách tài khóa yếu kém sẽ không bao giờ có thể làm gì dễ đe dọa đến sự ổn định của đồng tiền chung. Cụ thể, chính phủ Đức và Pháp muốn các nước thành viên thuộc Khu vực Đồng tiền chung giám sát thâm hụt ngân sách xuống mức 3% GDP và muốn họ tuân thủ theo nguyên tắc tài khóa của Đức để không tái phạm việc vượt quá thâm hụt ngân sách cho phép thêm lần nữa. Ngoài ra, lãnh đạo Pháp và Đức kêu gọi các nước thành viên Khu vực đồng Euro cùng có thuế giao dịch tài chính và thuế lợi tức kinh doanh chung.

Trong những tháng cuối năm 2012, các đánh giá và dự báo kinh tế thế giới vẫn hết sức bi quan về nền kinh tế thế giới. Các đánh giá gần đây cho rằng, kinh tế toàn cầu đang trong tình trạng xấu nhất kể từ năm 2009. Nền kinh tế Mỹ lại tiếp tục phục hồi khó khăn; còn các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ và Braxin thì không thể giải cứu được các nền kinh tế khác bởi chính họ cũng đang tăng trưởng chậm lại. Mỗi quan ngại ngày càng tăng về tình hình kinh tế toàn cầu là hiện hầu như không có động lực để

khôi phục tăng trưởng kinh tế. Tình trạng thất nghiệp ở châu Âu và Mỹ đang ở mức báo động. Mỹ - nền kinh tế lớn nhất thế giới - hiện nay không kéo được các nền kinh tế toàn cầu vì chính nó cũng đang cần phao cứu hộ. Bốn năm sau Đại Suy thoái (2009-2012), nền kinh tế Mỹ không thể duy trì động lực tăng trưởng. Tình trạng kinh tế châu Âu còn nghiêm trọng hơn Mỹ. Tại khu vực Eurozone, tăng trưởng GDP năm 2012 ở mức -0,3%, trị tệ hơn mức của năm 2011 và 2010. Những nước chìm sâu trong khủng hoảng là Hy Lạp, Tây Ban Nha, Italia, Bồ Đào Nha. Năm 2012, tăng trưởng GDP của Hy Lạp là -4,7%, Tây ban Nha là -1,8%, Italia là -1,4% và Bồ Đào Nha là -3,3%. Khu vực EU đang phải đối mặt với các khoản nợ công khổng lồ, các ngân hàng phải rất khó khăn để trụ vững và kinh tế hầu như không tăng trưởng. 6/17 quốc gia EU đang lâm vào tình trạng suy thoái kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp ở 17 quốc gia sử dụng đồng Euro hiện là 11%, mức cao nhất kể từ khi đồng Euro được trở thành đồng tiền chung vào năm 1999¹. Ngân hàng Trung ương Châu Âu đã chuẩn bị sẵn một lượng tiền lớn cho các ngân hàng châu Âu vay với lãi suất thấp nhằm khôi phục hoạt động cho vay. Nhưng nhiều doanh nghiệp và người tiêu dùng vẫn không muốn vay do lo ngại về thu nhập của mình trong tương lai.

¹ <http://www.toquoc.gov.vn/Sites/vi-vn/details/4/kinh-te-the-gioi/109704/kinh-te-toan-cau-van-trong-tinh-trang-toi-te.aspx>

Bảng 1: Tăng trưởng GDP và nợ công của các nước EU giai đoạn 2009-2012

Nước	2009	2010	2011	2012
Tăng trưởng GDP (%)				
Hy Lạp	-3,3	-3,5	-6,9	-4,7
Tây Ban Nha	-3,7	-0,1	0,7	-1,8
Italy	-5,5	1,8	0,4	-1,4
Bồ Đào Nha	-2,9	1,4	-1,6	-3,3
Đức	-5,1	3,7	3,0	0,7
Khu vực Eurozone	-4,3	1,9	1,5	-0,3
Mỹ	-3,5	3,0	1,7	2,0
Nợ công/GDP (%)				
Hy Lạp	129,4	145,0	165,3	160,6
Tây Ban Nha	53,9	61,2	68,5	80,9
Italy	116,0	118,6	120,1	123,5
Bồ Đào Nha	83,1	93,3	107,8	113,9
Đức	74,4	83,0	81,2	82,2
Khu vực Eurozone	79,9	85,6	88,0	91,8
Mỹ	90,4	99,1	103,5	108,9

Nguồn: European Commission: statistical annex of European economy, Spring 2012, table 10, 11, 78, 79, Brussels.

Cuộc suy thoái kinh tế gần 4 năm qua đã khiến châu Âu lung lay mọi giá trị từ vật chất tới tinh thần. Nó cuốn trôi những nền tảng của cuộc sống bền vững, dẫn đến sự gia tăng đột biến đáng báo động về tình trạng tự tử, đặc biệt là ở những nước đang trong giai đoạn nhạy cảm hiện nay như Hy Lạp, Ireland và Italia. Đây cũng là những nước ngay tuyến đầu của cuộc khủng hoảng, đang chịu đựng tình cảnh tồi tệ nhất khi mà tỉ lệ nam giới tự tử vì bế tắc gia tăng mạnh. Theo tờ New York Times, tỉ lệ tự tử ở nam giới tại Hy Lạp tăng hơn 24%, ở Ireland hơn 16% và

tệ nhất là ở Italia, các vụ tự tử xuất phát từ động cơ khó khăn kinh tế đã tăng lên đến 52%. Tại Ireland, hiện tượng tự tử lại được cho là có liên quan đến triệu chứng mà các nhà trị liệu gọi là “trầm cảm Celtic Tiger” (rơi vào tình trạng ăn không ngon và mất ngủ) xuất hiện sau năm 2008, khi gần 40% nam giới trong độ tuổi 36 thất nghiệp, trong đó có 32% làm trong ngành xây dựng, thiết kế điện... Theo các nhà nghiên cứu, xu hướng tự tử năm nay gia tăng nhanh từ những bế tắc từ hệ thống an sinh xã hội do các biện pháp thắt lưng buộc bụng của chính

phù. David Stuckler, một nhà xã hội học tại Đại học Cambridge, người dẫn đầu một công trình nghiên cứu vừa công bố trên tạp chí The Lancet nhận định: Khủng hoảng tài chính đã đẩy cuộc sống của người dân bình thường đến chỗ có nguy cơ, nhưng chính những biện pháp cắt giảm phúc lợi xã hội của các chính sách thất lưng buộc bụng đã đẩy họ xuống vực thẳm.

Theo các chuyên gia tâm lý và xã hội học, các nước như Thụy Điển, Phần Lan tránh được tỉ lệ tự tử tăng cao trong giai đoạn khủng hoảng là vì chính phủ các nước này đầu tư vào các dự án thị trường lao động giúp người dân quay trở lại cuộc sống bằng cách tự đứng trên đôi chân của mình thay vì phát tiền mặt trợ giúp. Các số liệu của Cơ quan Thống kê của Liên minh Châu Âu (Eurostat) cho biết, trong năm 2010, 115 triệu người, hay 23,4% dân số, trong EU 27 có nguy cơ nghèo đói hoặc loại trừ xã hội. Điều này có nghĩa rằng họ đã rơi vào ít nhất một trong ba hoàn cảnh sau: có nguy cơ đói nghèo, bị tước đoạt vật chất hoặc sống trong các hộ gia đình với cường độ làm việc rất thấp. Việc giảm số lượng người có nguy cơ nghèo đói hoặc loại trừ xã hội ở EU là một trong những mục tiêu chính của Chiến lược 2020 Châu Âu. Cơ quan Thống kê của Liên minh Châu Âu cho biết: *"Trong năm 2010, số người đang có nguy cơ nghèo đói hoặc loại trừ xã hội được ghi nhận cao nhất ở Bulgaria (42%), Rumani (41%), Latvia (38%), Lithuania (33%) và Hungary (30%), và thấp nhất ở Cộng hòa Séc (14%), Thụy*

*Điển và Hà Lan (cả hai đều 15%), Áo, Phần Lan và Luxembourg (tất cả 17%)"*².

Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 2009-2012 đã đẩy người dân EU vào tình trạng thất nghiệp nặng nề. Theo báo cáo của Eurostat (2012), tỉ lệ thất nghiệp của EU năm 2011 ở mức 9,5%, vào tháng 9/2012 tăng lên mức 10,6%. Trong năm 2012, thất nghiệp dài hạn ở EU là khoảng 10,7 triệu người, gấp 2 lần so với con số giữa năm 2008. Nghiêm trọng hơn là thất nghiệp của thanh niên ngày càng tăng cao. Vào tháng 7/2011, tỉ lệ thất nghiệp của thanh niên toàn EU là 20,7%, ước khoảng 5 triệu người và trong tháng 9/2012, tỉ lệ thất nghiệp của thanh niên toàn EU là 22,5%, trong đó Hy Lạp và Tây ban Nha đạt mức kỷ lục trên 50%. Thất nghiệp lan rộng đối với cả nhóm người có học thức cao và ở mọi độ tuổi khiến các chi phí an sinh xã hội cho các vấn đề thất nghiệp của các nước EU ngày càng tăng cao.

Trẻ em có nguy cơ đói nghèo nhiều hơn. Trong EU27, năm 2010, có tới 27% trẻ em dưới 18 tuổi đã bị ảnh hưởng bởi ít nhất một trong ba hình thức của nghèo đói hoặc loại trừ xã hội, so với 23% của dân số trong độ tuổi lao động (18-64 tuổi) và 20% người cao tuổi (tuổi từ 65 tuổi trở lên)³. Trẻ em bị ảnh hưởng nhiều nhất trong 20 nước thành viên, trong khi người già bị ảnh hưởng nhiều nhất ở Bulgaria, Slovenia, Phần Lan và Thụy Điển. Tại Đan Mạch, dân số trong độ tuổi

² Eurostat, 2010, *Nghèo đói và thất nghiệp – hai lực cản lớn đối với sự phát triển của châu Âu*, theo Baomoi.com.

³ Eurostat, 2010.

làm việc bị ảnh hưởng nhiều nhất. Ông Nuno-Mayer - Tổng thư ký Caritas Europa - phát biểu: *"Tôi vô cùng lo ngại về tỉ lệ nghèo đói ở trẻ em, đặc biệt vì họ là tương lai của chúng ta. Trong khi trẻ em có nguy cơ đói nghèo và loại trừ xã hội lớn nhất, tương lai của châu Âu đang bị đe dọa. Tôi kêu gọi các chính phủ và các tổ chức châu Âu làm hết sức mình để hành động ủng hộ mục tiêu thứ năm của Chiến lược Châu Âu 2020 và tiến hành một mô hình thực sự nhanh chóng"*.

Như vậy, cuộc khủng hoảng đã phơi bày những khiếm khuyết một cách có hệ thống trong quản lý kinh tế của EU, nhất là việc thiếu cơ quan quản lý tài chính và điều phối kinh tế ở cấp độ liên minh. Mặc dù các thành viên EU đã ký Hiệp ước Tăng trưởng và Ổn định như một cách để yêu cầu kiểm soát thâm hụt ngân sách và nợ công, song EU lại thiếu các công cụ thực thi. Điều đó giải thích một phần sự việc Hy Lạp chi tiêu quá mức và mất sức cạnh tranh nhưng không bị phát hiện trong nhiều năm, trong khi những lời cảnh báo đối với các nước vi phạm nhằm giữ trật tự cho các nước này cũng chưa được quan tâm đúng mức. Nhận ra rằng cần phải điều phối tốt hơn giữa các chính sách kinh tế cấp liên minh với sự tăng cường giám sát, các nhà lãnh đạo EU vào tháng 10 năm 2011 đã thông qua một kế hoạch toàn diện về cải cách quản lý kinh tế nhằm ngăn ngừa tái diễn khủng hoảng nợ. Chủ tịch EU Herman Van Rompuy cho rằng: Đây sẽ là lần cải cách lớn nhất của EU kể từ khi đồng Euro ra đời vào năm 1999. Theo kế hoạch cải cách, các nước

EU sẽ tăng cường kỷ luật tài chính, thực hiện cơ chế giám sát kinh tế vĩ mô mới, tăng cường điều phối các chính sách kinh tế và lập ra một khuôn khổ quản lý khủng hoảng thường xuyên. Trong nỗ lực mới nhất nhằm cải thiện quản lý kinh tế, các nhà lãnh đạo EU trong cuộc họp cuối cùng trong năm đã quyết định sửa đổi có hạn chế Hiệp ước Lisbon để tạo ra một cơ chế đối phó khủng hoảng thường xuyên trong Khu vực đồng Euro. Cuộc khủng hoảng nợ cũng làm EU thêm quyết tâm tăng cường giám sát tài chính sau khi đầu cơ được viện dẫn như một trong các lý do làm cuộc khủng hoảng nợ leo thang. Về cách thức quản lý nền kinh tế, EU có xu hướng dựa vào sự can thiệp của chính quyền hơn là giao phó nền kinh tế cho các lực lượng thị trường.

Mô hình an sinh xã hội của châu Âu nổi tiếng về các trợ cấp xã hội hào phóng. Phúc lợi xã hội cao có thể giúp đảm bảo sự công bằng. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế sẽ bị ảnh hưởng nếu phúc lợi quá lớn, vì nó sẽ làm tăng thêm gánh nặng thuế. Trong nhiều năm qua, nền kinh tế của EU đã tăng trưởng với một tốc độ tương đối chậm. Nếu không tăng trưởng mạnh, EU sẽ ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì hệ thống phúc lợi xã hội. Đối mặt với tình trạng dân số già, nền kinh tế thị trường xã hội của châu Âu cần điều chỉnh và cuộc khủng hoảng nợ nên được coi là một lời cảnh báo sớm. Để đối phó với khủng hoảng, các nước EU đã thực hiện các biện pháp khắc khổ để củng cố nền tài chính công. Các biện pháp này bao gồm

việc cắt giảm trợ cấp xã hội, nâng tuổi nghỉ hưu và giới hạn lương trong khu vực công. Người châu Âu giờ đây phải thắt lưng buộc bụng nếu họ không muốn đặt gánh nặng lên vai các thế hệ sau này. Do đó nhiều nhà phân tích cho rằng, để duy trì mô hình an sinh xã hội của châu Âu, vấn đề mấu chốt là cần có tăng trưởng kinh tế cao hơn. Tuy nhiên, cho đến thời điểm năm 2013, EU vẫn đang chìm đắm trong nợ nần và khủng hoảng, khiến hệ thống an sinh xã hội của khu vực này đang khó tìm được hướng cải cách bền vững.

2. Phản ứng chính sách an sinh xã hội của các chính phủ EU trong thời kỳ khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt nguồn từ Mỹ, lan rộng sang EU đã khiến mô hình an sinh xã hội của EU phải trải qua nhiều giai đoạn sóng gió. Kể từ cuối năm 2008 đến những tháng đầu năm 2013, mô hình an sinh xã hội EU đã phải trải qua 3 lần sóng quản lý khủng hoảng. *Làn sóng quản lý khủng hoảng thứ nhất* bắt đầu từ sự sụp đổ của tập đoàn Lehman Brothers, khi đó các cơ quan tài chính của các chính phủ và Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) mở rộng các biện pháp can thiệp tài chính tín dụng để hỗ trợ cho sự ổn định của các nền kinh tế thuộc khu vực Eurozone. Trong các năm 2008-2010, một loạt các biện pháp can thiệp đã được tiến hành để hạn chế suy thoái kinh tế. Xét về chính sách xã hội, các nước thành viên EU đã can thiệp mạnh vào thị trường lao động bằng những biện pháp tạo việc làm ngắn hạn, tăng cường dạy nghề và đào tạo kỹ

năng cho người lao động. *Làn sóng quản lý khủng hoảng lần thứ hai* ở EU bắt đầu từ tháng 12 năm 2009, khi cuộc khủng hoảng nợ công diễn ra ở Hy Lạp. Cuộc khủng hoảng nợ tại Hy Lạp đã làm trầm trọng hơn cuộc khủng hoảng tài chính ở EU, dẫn đến sự suy thoái nghiêm trọng của hàng loạt nước như Hy Lạp, Ailen, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Các nước này đã buộc phải thực hiện những chính sách cải cách hà khắc, bao gồm điều tiết lại thị trường lao động, cắt giảm lương, thắt chặt lợi ích hưu trí, tăng tuổi về hưu và giảm bớt chi tiêu công cho các dịch vụ an sinh xã hội khác. *Làn sóng quản lý khủng hoảng lần thứ ba* ở EU bắt đầu từ năm 2011, khi cuộc khủng hoảng nợ công ở Hy Lạp, Ailen và Bồ Đào Nha có nguy cơ đe dọa tính ổn định của đồng Euro. Rủi ro gia tăng đối với hầu hết các nước EU để bị tổn thương nhất và cuộc khủng hoảng nợ công ở 4 nước Hy Lạp, Ailen, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha đã trở thành một cuộc khủng hoảng nợ có hệ thống của toàn EU. Vào tháng 11/2011, EU đã tiến hành một thỏa thuận tài khóa (fiscal compact) mới cho Khu vực sử dụng đồng Euro, bao gồm hệ thống các quy định về thâm hụt ngân sách và thủ tục bảo hiểm nợ chặt chẽ hơn. Theo thỏa thuận này, các nước thuộc Eurozone sẽ phải tiếp tục cắt giảm mạnh mẽ hơn ngân sách công dành cho nhiều lĩnh vực an sinh xã hội.

Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế toàn cầu, hầu hết các nước EU đều thực hiện chính sách khắc khổ về lương và trợ cấp để tái cấu trúc nền kinh tế, giảm sự bảo trợ việc

làm, linh hoạt hóa thị trường lao động. Để thực hiện chính sách khắc khổ này trong vấn đề tiền lương, các nước EU đã tập trung thực hiện 3 vấn đề chính, đó là: lương của ngành công cộng, lương tối thiểu theo pháp định, và can thiệp trực tiếp vào các thỏa thuận tập thể hiện hành về lương. Hầu hết các nước EU đã tiến hành cắt giảm lương của ngành công cộng, và nước cắt giảm lương công cộng lớn

nhất là Hy Lạp với mức 30%, các nước khác cắt giảm từ 5-10%. Mức lương tối thiểu theo pháp định bị cắt giảm mạnh, tại Hy Lạp mức lương tối thiểu bị cắt 22% vào tháng 2/2012, và đối với những người dưới 25 tuổi mức lương này bị cắt tới 32%. Ở hầu hết các nước EU khác ngoài 4 nước khủng hoảng nợ công nặng nề, mức lương của người lao động cũng bị điều chỉnh theo xu hướng cắt giảm.

Bảng 2: Điều chỉnh mức lương ở 4 nước EU chịu tác động nặng nề từ khủng hoảng nợ công

Hy Lạp	Từ tháng 11/2009 đến tháng 10/2010, mức lương tối thiểu bị cắt giảm trung bình 14%. Sau đó, hệ thống tiền thù lao mới được áp dụng năm 2010 và Chính phủ hy vọng sẽ tiếp tục giảm khoảng 17% lương vào năm 2013, nâng tổng số lương bị cắt giảm trung bình lên 30%.
Italy	Chính phủ thông báo sẽ không sửa đổi lương từ các cuộc thương lượng tập thể ít nhất là hết tháng 12/2012. Lương sẽ không có sự điều chỉnh nào trong giai đoạn này.
Bồ Đào Nha	Sau khi không có sự điều chỉnh về lương trong năm 2010, năm 2011 Chính phủ đã cắt giảm 5% mức lương và công bố sẽ duy trì mức cắt giảm này cho đến hết năm 2013. Trong năm 2012 và 2013, sẽ cắt và hủy bỏ hoàn toàn lương tháng 13 và 14.
Tây Ban Nha	Tháng 6/2012 cắt 5% lương và duy trì mức cắt giảm này trong những tháng tiếp theo. Hơn nữa, thời gian làm việc cắt giảm còn 37,5 giờ/tuần mà không có bất cứ khoản bồi thường nào khác.

Nguồn: Labour Research Department, 2010, 2011, 2012.

Tại các nước Bắc Âu, Chính phủ cũng đưa ra những thỏa thuận mới trên thị trường lao động. Tại Na Uy, Chính phủ buộc phải

nâng số thời gian nghỉ việc tạm thời tối đa là 50 tuần và thực hiện hàng loạt các biện pháp cắt giảm giờ làm việc của người lao động.

Tại Thụy Điển, do không có cơ chế nghỉ việc tạm thời vẫn hưởng lương, nên Chính phủ buộc phải thương lượng với người lao động và giới chủ để cắt giảm số giờ làm việc xuống 20%, tương ứng với việc cắt giảm thanh toán lương của người lao động trong thời gian nghỉ việc. Khủng hoảng kinh tế cũng khiến chính phủ Thụy Điển phải xem xét lại kế hoạch áp dụng cơ chế bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc và Chính phủ đã phải thành lập một ủy ban chuyên trách để thực hiện cơ chế này. Tại Đan Mạch, nhiều công ty đã cắt giảm giờ làm việc xuống tận 26 tuần để hưởng những hỗ trợ từ hệ thống an sinh xã hội quốc gia. Nhưng trong các năm 2010-2011, Đan Mạch cũng buộc phải có những cái cách toàn diện như: thực hiện kế hoạch phục hồi kinh tế, cải cách hệ thống an sinh xã hội theo hướng linh hoạt.

Cùng với đó, chế độ hưu trí của các nước EU cũng có những thay đổi cơ bản mang tính chất khắc khổ. Nhiều nước EU tiến hành cải cách hưu trí có xu hướng đi theo mô hình tăng độ tuổi về hưu và đưa ra những quy định chặt chẽ hơn đối với những người được hưởng lương hưu trí. Để khắc phục những khó khăn của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhằm cắt giảm ngân sách dành cho quỹ hưu trí, nhiều nước châu Âu đã nâng tuổi về hưu chính thức. Tại Ailen và Anh,

tuổi về hưu sẽ được nâng lên là 68 tuổi vào năm 2028 và 2046. Chính phủ Tây Ban Nha và Đức đang dự định tăng tuổi về hưu lên 67 tuổi thay vì 65 như hiện tại. Tuy nhiên những biện pháp cải cách này là một vấn đề chính trị nhạy cảm, ngay cả trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế hiện nay. Kế hoạch của chính phủ Pháp tăng tuổi về hưu từ 60 lên 62 vào năm 2018 bởi theo thống kê, mức thâm hụt ngân sách quỹ hưu trí của nước này năm 2010 là 32 tỉ 300 triệu Euro, năm 2018 sẽ là 42 tỉ 300 triệu Euro⁴. Tuy nhiên, kế hoạch tăng tuổi về hưu ở Pháp đã khiến nổ ra hàng loạt cuộc biểu tình của người dân. Vào năm 2012, tuổi hưu trí ở Pháp đã giảm xuống còn 60 với các mức điều chỉnh hưu trí khác nhau tùy thuộc vào từng độ tuổi nhằm xoa dịu sự phản đối của dân chúng. Tại Hà Lan, từ năm 2012, Chính phủ đã quyết định tăng mức đóng hưu trí thêm 1,3% lên 25,4% thu nhập để làm căn cứ đóng bảo hiểm nhằm bù đắp những thiếu hụt về quỹ hưu trí do tuổi thọ bình quân tăng lên và sự phát triển về số lượng người tham gia quỹ hưu trí. Đối với một số nước đang lâm vào nợ công nặng nề, cải cách hệ thống hưu trí là một trong những biện pháp chính trong kế hoạch thắt chặt chi tiêu để đòi lấy khoản trợ giúp tín dụng của EU và IMF. Tại Hy Lạp, vào tháng 5/2010,

⁴ <http://www.baomoi.com/Bieu-tinh-cai-cach-che-do-huu-tri/119/4471007.epi>

Chính phủ đã thông qua Dự án Luật Cải cách hưu trí, nâng tuổi nghỉ hưu của lao động nữ lên 65 tuổi, đồng thời cắt giảm 20% tiền trợ cấp hưu trí với mục đích “thắt lưng buộc bụng” theo yêu cầu của EU và IMF nhằm đưa đất nước nhanh chóng thoát khỏi khủng hoảng nợ công. Kế hoạch cải cách hưu trí này giúp chính phủ Hy Lạp tiết kiệm khoảng 5 tỉ Euro/năm⁵. Tại Italia, tuổi nghỉ hưu của nữ cũng đang trong dự kiến nâng từ 61 tuổi lên 65 tuổi (2010/2011), sau đó sẽ nâng từ 65 tuổi lên 66 tuổi đối với nam (2011/2012), đồng thời sẽ nâng số năm đóng góp quỹ hưu trí của người lao động. Tuy nhiên, kế hoạch cải cách hưu trí này của Italia đang gặp phải sức ép phản đối rất lớn của dân chúng, đồng thời cũng chịu áp lực lớn từ EU để cải cách hệ thống hưu trí và kéo dài tuổi nghỉ hưu như một phần của kế hoạch để kiểm soát gánh nặng nợ công không lồ như hiện nay. Còn tại Tây Ban Nha, Luật An sinh xã hội mới được ban hành vào ngày 1/8/2011 đã đưa ra những quy định mới như tăng tuổi nghỉ hưu từ 65 lên 67 vào năm 2019, mỗi năm tăng 1 tháng cho đến năm 2018 và sau đó mỗi năm tăng lên 2 tháng cho đến năm 2027, tăng số năm đóng bảo hiểm cần thiết để hưởng lương hưu đầy đủ từ 15 năm lên 25 năm vào năm 2022,

tăng số tuổi đóng bảo hiểm cần thiết cho những người lao động có công việc lâu dài từ 35 lên 38,5 vào năm 2025⁶. Những quy định mới này sẽ được thực hiện dần dần, bắt đầu từ năm 2013 với mục đích kiểm soát chi tiêu ngân sách và nợ công đang lan rộng tại Tây Ban Nha. Tại Bồ Đào Nha, tháng 5/2011, EU và IMF cam kết dành cho đất nước này gói cứu trợ vỡ nợ trị giá 78 tỉ Euro (khoảng 102 tỉ USD) và yêu cầu chính phủ Bồ Đào Nha phải thực hiện một chương trình cải cách kéo dài 3 năm. Vào tháng 11/2012, chính phủ Bồ Đào Nha đã thông qua ngân sách khắc khổ cho năm 2013, trong đó chủ yếu là tăng thuế và giảm chi phí an sinh xã hội. Theo kế hoạch, chính phủ Bồ Đào Nha sẽ tăng mức đóng góp của người lao động cho quỹ an sinh xã hội từ 11% lên 18%, đồng thời tạm ngừng các khoản trợ cấp cho đối tượng hưu trí, cắt giảm 1 tháng tiền thưởng đối với lao động làm việc tại các khu vực công⁷.

Chính sách chi tiêu khắc khổ của các chính phủ EU đã tạo ra các làn sóng biểu tình mạnh mẽ ở hàng loạt các nước châu Âu. Các cuộc biểu tình đều nhằm mục đích phản đối chính sách thắt lưng buộc bụng, cải cách hưu trí, cắt giảm lương, cắt giảm trợ cấp và

⁵ Hy Lạp thông qua kế hoạch cải cách hệ thống hưu trí, <http://vov.vn/The-gioi/Hy-Lap-thong-qua-ke-hoach-cai-cach-he-thong-huu-tri/143448.vov>

⁶ Minh Đạo (2012), Tây Ban Nha – Luật an sinh xã hội mới, Tạp chí Bảo hiểm xã hội, tháng 5.

⁷ Quỳnh Chi (2013), Bồ Đào Nha chao đảo trong vòng xoáy bất ổn, Hà Nội mới, 5/3.

tăng chi phí ốm đau, bệnh viện. Sau hàng thập kỷ được hưởng một hệ thống an sinh xã hội được đánh giá là hào phóng nhất thế giới, người dân ở nhiều nước EU không quen từ bỏ những tiêu chuẩn phúc lợi mà họ đã được hưởng. Mặc dù hệ thống an sinh xã hội ở toàn khu vực EU có sự khác nhau rất lớn, nhưng một điểm chung là hệ thống này đều có sự đóng góp lớn của Chính phủ vào việc cung cấp các dịch vụ sức khỏe, giáo dục, hưu trí và các dịch vụ xã hội khác cùng với những quy tắc điều khiển mối quan hệ lao động. Khi người dân châu Âu đang có tuổi thọ ngày càng cao nhưng tỉ lệ sinh giảm đi, lực lượng lao động bị thu hẹp, thì ngay trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, các nước EU đã cố gắng cải cách hệ thống an sinh xã hội của mình cho phù hợp với tình hình mới và nhằm cân đối ngân sách dành cho quỹ an sinh. Còn trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế và nợ công chưa hề được giải quyết ổn thỏa hiện nay, hệ thống an sinh xã hội của các nước EU đang gặp phải những thách thức rất lớn, cả trong nguồn quỹ dành cho mục tiêu an sinh và sự đồng thuận của người dân trong việc chấp nhận những biện pháp khắc khổ để khắc phục khủng hoảng nợ công và phục hồi kinh tế.

Tài liệu tham khảo

1. Klaus Busch, Christoph Hermann (2013), *Euro Crisis, Austerity policy and the European social model*, Friedrich Ebert Stiftung, Feb.
2. Anton C.Hemertijch and Frank Vandenbroucke (2012), *The Welfare state after the great recession, Intereconomics*.
3. David Natali (2011), *Pensions after the financial and economic crisis: a comparative analysis of recent reform in Europe*, Working Paper, 2011.07.
4. United Nations (2011), *The Global Social Crisis: report on the world social situation 2011*, Department of economic and social affairs, New York.
5. Eurofound (2011), *The social impact of the crisis: background paper*, Relevant Eurofound Research.
6. OECD (2012), *Social spending after the crisis*, Social expenditure data update 2012.
7. Jelena Baric (2011), *Crisis of the welfare state in the European Union: the impact of the world financial crisis on the welfare state*, Megatrend Review, Vol 8, p.141-168.